



# ĐÀO TẠO NGHỀ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

**NGUYỄN XUÂN HẢI** - Email: haiblackocean@yahoo.co.uk

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

**NGUYỄN THỊ THÚY** - Email: phuongthuyha.xhh@gmail.com

Học viện Chính trị Khu vực I

**Tóm tắt:** Mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ người khuyết tật song số lượng và tỉ lệ người khuyết tật được đi học trong các cơ sở giáo dục và được học nghề ở các cơ sở đào tạo nghề còn thấp, đặc biệt là đối với những người khuyết tật nặng. Có thể nói, người khuyết tật được coi là nhóm đối tượng thiệt thòi nhất trong số nhóm đối tượng cần sự trợ giúp đặc biệt. Bài viết trình bày về vấn đề đào tạo nghề cho người khuyết tật. Trong đó, tác giả tiếp cận đào tạo nghề cho người khuyết tật qua các quan điểm: 1/ Thực hiện các văn bản pháp quy về các quyền, quyền được giáo dục/dạy nghề và có việc làm của người khuyết tật; 2/ Dựa trên đặc điểm năng lực nghề nghiệp và nhu cầu học nghề của chính người khuyết tật; 3/ Dựa trên quan điểm thế nào là “nghề” của người khuyết tật; 4/ Dựa vào các ngành nghề, công việc hiện có phổ biến tại địa phương.

**Từ khóa:** Người khuyết tật; đào tạo nghề; giáo dục.

(Nhận bài ngày 03/4/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 17/5/2017; Duyệt đăng ngày 25/5/2017).

## 1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam hiện nay chưa có số liệu thống nhất chung giữa các ngành về số lượng và tỉ lệ người khuyết tật (NKT) do có các tiêu chí đánh giá khác nhau. Theo điều tra thực trạng nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), tỉ lệ trẻ khuyết tật (dưới 16 tuổi) chiếm 3,47% dân số trong cùng độ tuổi và chiếm khoảng 1,18% tổng dân số, và ước tính Việt Nam có khoảng 1,2 triệu trẻ khuyết tật [1]. Theo số liệu của Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2011), *NKT ở Việt Nam: Một số kết quả chủ yếu từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 2009*, số lượng NKT trên 5 tuổi chiếm 6,1% dân số cùng độ tuổi [2]. Tổng số NKT ở Việt Nam (từ 0 tuổi trở lên) là vào khoảng hơn 7 triệu người. Mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ NKT song số lượng và tỉ lệ NKT được đi học trong các cơ sở giáo dục và được học nghề ở các cơ sở đào tạo nghề còn thấp, đặc biệt là đối với những NKT càng nặng. Có thể nói, NKT được coi là nhóm đối tượng thiệt thòi nhất trong số nhóm đối tượng cần sự trợ giúp đặc biệt.

## 2. Các khái niệm cơ bản về đào tạo nghề cho người khuyết tật

### 2.1. Người khuyết tật và các dạng khuyết tật

Theo Luật NKT năm 2010, NKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn; các dạng tật bao gồm: 1/ Khuyết tật vận động; 2/ Khuyết tật nghe, nói; 3/ Khuyết tật nhìn; 4/ Khuyết tật thần kinh, tâm thần; 5/ Khuyết tật trí tuệ; 6/ Khuyết tật khác; và với các mức độ khuyết tật: 1/ Người khuyết tật đặc biệt nặng; 2/ Người khuyết tật nặng; 3/ Người khuyết tật nhẹ [3].

Mặc dù Luật đã cơ bản khái quát và đưa ra được các dạng khuyết tật hiện nay ở Việt Nam, tuy nhiên, hiện đã xuất hiện một số dạng khuyết tật khác đáng được lưu ý như tự kỉ, khuyết tật học tập,...

### 2.2. Đào tạo và bồi dưỡng

Khi bàn về vấn đề này, cần phân biệt giữa hai khái niệm đào tạo và bồi dưỡng. Đào tạo, bồi dưỡng là một trong những hoạt động cơ bản của quản lí. Đó là tổ hợp các hoạt động đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của đội ngũ.

Theo tác giả Nguyễn Lộc [4], đào tạo là một chuỗi các hoạt động đưa ra cơ hội để học hỏi và hoàn thiện các kĩ năng liên quan đến công việc. Khái niệm đào tạo này áp dụng cho cả việc đào tạo ban đầu cho người lao động và việc hoàn thiện các kĩ năng nhằm đáp ứng những yêu cầu thay đổi trong công việc.

Đào tạo trong công việc tức là đào tạo ngay trong lúc người lao động đang tiến hành công việc của mình. Đào tạo ngoài công việc là hình thức đào tạo được tiến hành ngoài làm việc. Đào tạo tại các địa điểm bên ngoài bao gồm việc tham dự các chương trình đào tạo đặc biệt được tổ chức bởi các trường đại học, các hiệp hội thương mại hoặc nghề nghiệp, hoặc các nhà tư vấn.

Theo tác giả Mạc Văn Trang, đào tạo là đưa từ một nội dung hiện có lên một chất lượng mới, cấp bậc mới theo những tiêu chuẩn nhất định bằng một quá trình giảng dạy, huấn luyện có hệ thống (được cấp bằng). Đào tạo được coi là quá trình trang bị kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, thái độ nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức cho đối tượng, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ giáo dục thông qua các hình thức chính quy. Đào tạo là quá trình biến đổi một con người từ chỗ chưa có nghề thành một người có một trình độ nghề ban đầu, làm cơ sở cho họ phát triển thành người lao động có kĩ thuật. Trong quá trình đào tạo phải tiếp tục nâng cao trình độ. Đó chính là quá trình đào tạo lại.

Bồi dưỡng đội ngũ là làm tăng thêm năng lực hoặc phẩm chất. Tác giả Nguyễn Minh Đường quan niệm, bồi dưỡng là quá trình cập nhật kiến thức và kĩ năng

còn thiếu hoặc đã lạc hậu trong một cấp học, bậc học, và thường được xác nhận bằng một chứng chỉ [5]. Bồi dưỡng là quá trình bổ sung kiến thức, kĩ năng (nội dung liên quan đến nghề nghiệp) để nâng cao trình độ trong một lĩnh vực hoạt động chuyên môn nhất định giúp chủ thể bồi dưỡng có cơ hội củng cố, mở mang, nâng cao chất lượng hiệu quả công việc đang làm.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi sử dụng khái niệm đào tạo nghề cho NKT vừa mang tính chất đào tạo vừa mang tính chất của hoạt động bồi dưỡng. Đó là quá trình phát triển nghề nghiệp không ngừng của một người lao động.

### 3. Tiếp cận trong đào tạo nghề cho người khuyết tật

#### 3.1. Thực hiện các văn bản pháp quy về các quyền, quyền được giáo dục/dạy nghề và có việc làm của người khuyết tật

Việt Nam là thành viên của Liên hợp quốc (United Nations - UN) và của hầu hết các tổ chức quốc tế khác (như UNESCO, UNICEF, ILO,...). Một trong những vấn đề cam kết quan trọng đó là công nhận Quyền của NKT, quyền được làm việc/có việc làm của NKT và hướng dẫn thúc đẩy cơ hội việc làm bình đẳng cho người khuyết tật không bao gồm việc ngăn cấm phân biệt đối xử vì lí do khuyết tật.

Bộ luật Lao động của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung năm 2012, Khoản 1 Điều 176 khẳng định: “Nhà nước bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của lao động là người khuyết tật, có chính sách khuyến khích và ưu đãi người sử dụng lao động tạo việc làm và nhận lao động là người khuyết tật vào làm việc, theo quy định của Luật Người khuyết tật” [6].

Luật NKT 2010, Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người khuyết tật: “d) Được chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, việc làm, trợ giúp pháp lí, tiếp cận công trình công cộng, phương tiện giao thông, công nghệ thông tin, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ khác phù hợp với dạng tật và mức độ khuyết tật” [3]. Đồng thời, nội dung chương 4 của Luật này cũng đã chỉ rõ vấn đề dạy nghề và việc làm cho NKT, bao gồm: Điều 32. Dạy nghề đối với người khuyết tật; Điều 33. Việc làm đối với người khuyết tật; Điều 34. Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật; Điều 35. Chính sách nhận người khuyết tật vào làm việc.

Tại Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020 đã nêu rõ mục tiêu: Giai đoạn 2012-2015: 250.000 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp và giai đoạn 2015-2020: 300.000 người khuyết tật trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp [7].

Để thực hiện các quy định trên, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật đã có những quy định chi tiết về dạy nghề và việc làm đối với người khuyết tật [8]. Theo đó, Nhà nước đảm bảo, tạo điều kiện tối đa cho

người khuyết tật được lựa chọn, tư vấn và học nghề, làm việc theo khả năng, sức khỏe của mình; cơ sở dạy nghề, tổ chức dạy nghề phải đảm bảo điều kiện dạy nghề; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, không được từ chối tuyển dụng những người lao động khuyết tật có đủ tiêu chuẩn,...

Bên cạnh đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước ta có các quy định về quỹ việc làm, thời gian làm việc và nghỉ ngơi, an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người khuyết tật,...

#### 3.2. Dựa trên đặc điểm năng lực nghề nghiệp và nhu cầu học nghề của chính của người khuyết tật

Theo quan điểm của ngành Tật học hiện đại, NKT không phải ít phát triển hơn so với mốc phát triển thông thường mà họ phát triển theo một chiều hướng khác.

Mặc dù khuyết tật gây những trở ngại nhất định cho NKT trong hoạt động nhận thức, học tập cũng như giao tiếp, song cũng chính điều này lại là yếu tố kích thích con người vươn lên phía trước, làm xuất hiện xu hướng mong muốn và sức mạnh vượt qua trở ngại khuyết tật: “Con người sẽ muốn nhìn tất cả nếu như họ bị cận thị; muốn nghe tất cả nếu như tai họ bị khiếm khuyết; muốn nói nếu như họ gặp khó khăn trong việc thể hiện ngôn ngữ hay bị nói lắp” - A.Adler, Bác sỹ tâm thần người Áo.

Có thể nhận thấy một số đặc điểm năng lực nghề nghiệp và nhu cầu học nghề của chính của NKT như sau:

1/ Nhu cầu phát triển nói chung, nhu cầu sống độc lập của NKT bằng nghề nghiệp của chính bản thân, đảm bảo có sự đóng góp cho xã hội, cộng đồng là một nhu cầu tự thân, tất yếu.

Kết quả khảo sát của Dự án “Thúc đẩy các quyền và cơ hội cho người khuyết tật - Việc làm thông qua luật pháp” trong khuôn khổ hợp tác phát triển giữa Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Cơ quan Phát triển Ai-len tại Việt Nam giai đoạn năm 2014-2015, Tổng cục Dạy nghề đã phối hợp với ILO tiến hành khảo sát 120 người khuyết tật về dạy nghề, tạo việc làm trong 3 năm tại 4 tỉnh, thành là: Phú Thọ, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu đã đưa ra kết luận sau [9]:

#### “Mọi NKT đều có nhu cầu được học nghề và hỗ trợ việc làm”:

Tổng số 120 NKT được khảo sát đều có nhu cầu được hỗ trợ học nghề và hỗ trợ việc làm. Đây là nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của NKT. Mong muốn lớn nhất của NKT là được sống hòa nhập, có công việc và thu nhập ổn định, không phải phụ thuộc vào gia đình và xã hội. Cụ thể, số người mong muốn được học nghề để có việc làm thu nhập tại các doanh nghiệp chiếm 45%; số người tự tổ chức sản xuất, kinh doanh 24%; chỉ có 1,6% số người chỉ tham gia học nghề để biết. 66,6% có nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ việc làm sau học nghề; 50% có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, hoặc mở cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Có tới 52,5% số người được khảo sát là khuyết tật về vận động. Đây cũng là số người tham gia học nghề đông nhất, tiếp đến là NKT về nghe, nói chiếm 24%. Tuy nhiên, số NKT vận động tham gia học nghề chủ yếu là khuyết tật nhẹ, đa phần có thể học hòa nhập. Số NKT khác như khuyết tật nhìn, khuyết tật trí tuệ, thần kinh tham gia



học nghề rất ít và chủ yếu tham gia học nghề ở các cơ sở dạy nghề chuyên biệt dành cho NKT”.

2/ Mọi người đều có thể học được, mọi người khuyết tật cũng đều có thể học được. Người khuyết tật, do những hạn chế do khuyết tật gây nên có thể sẽ mất nhiều thời gian hơn trong việc học được một nghề hay một công việc nghề nghiệp nào đó, song họ vẫn có thể học được;

3/ Bên cạnh việc học các kiến thức nghề nghiệp thì người khuyết tật cũng cần phải học tất cả các kĩ năng xã hội khác nhằm giúp NKT đạt được mức độ cao nhất của sự độc lập trong hoạt động nghề nghiệp, hoạt động cá thể, cộng đồng và là thành viên tích cực của xã hội sau này;

4/ Quá trình nhận thức của người khuyết tật cũng tuân theo quy luật nhận thức chung của con người. Học nghề là sự tiếp nối của quá trình học tập ở phổ thông. Vì vậy, ngay khi NKT học nghề, cần tiến hành ngay công tác lập kế hoạch dạy nghề bao gồm xác định xu thế, khả năng và nhu cầu nghề nghiệp của mỗi cá nhân NKT để tiến hành tổ chức đào tạo nghề phù hợp với họ.

### **3.3. Dựa trên quan điểm thế nào là “nghề” của người khuyết tật**

Nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kĩ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

Nhiều nghề chỉ thấy có ở nước này nhưng lại không thấy ở nước khác. Hơn nữa, các nghề trong xã hội luôn ở trong trạng thái biến động do sự phát triển của khoa học và công nghệ. Nhiều nghề cũ mất đi hoặc thay đổi về nội dung cũng như về phương pháp sản xuất. Nhiều nghề mới xuất hiện rồi phát triển theo hướng đa dạng hóa. Theo thống kê gần đây, trên thế giới mỗi năm có tới 500 nghề bị đào thải và khoảng 600 nghề mới xuất hiện. Ở Việt Nam, mỗi năm đào tạo trên dưới 300 nghề bao gồm hàng nghìn chuyên môn khác nhau.

Nghề bao gồm nhiều chuyên môn. Chuyên môn là một lĩnh vực lao động sản xuất hẹp mà ở đó, con người bằng năng lực thể chất và tinh thần của mình làm ra những giá trị vật chất (thực phẩm, lương thực, công cụ lao động,...) hoặc giá trị tinh thần (sách báo, phim ảnh, âm nhạc, tranh vẽ,...) với tư cách là những phương tiện sinh tồn và phát triển của xã hội. Trên thế giới hiện nay có khoảng 2000 nghề với hàng chục nghìn chuyên môn. **Chuyên môn có thể được hiểu là một công việc cụ thể người lao động phải làm hàng ngày.**

Như vậy, có những cách phân loại nghề nghiệp khác nhau. Chúng tôi cho rằng, **nghề** của NKT cần dựa trên một số quan điểm sau:

*Thứ nhất, theo tiếp cận ngành*, một nghề của NKT khi năng lực của NKT phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp (các tiêu chí về phẩm chất, năng lực) của nghề thuộc một ngành nào đó mà khuyết tật ảnh hưởng ít hoặc không có ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp của NKT. Chẳng hạn, người mù hoặc nhìn kém có thể trở thành giáo viên tiếng Anh, phiên dịch viên, biên dịch viên; người khiếm thính có thể trở thành các nghệ nhân điêu khắc, hội họa; NKT vận động

có thể trở thành các kĩ sư tin học, công nghệ thông tin;... Trong trường hợp này, NKT có thể đạt đến thành tựu cao trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân và đóng góp rất lớn cho sự phát triển xã hội.

*Thứ hai, theo tiếp cận chuyên môn* một nghề của NKT khi được hiểu là một công việc cụ thể mà người lao động phải làm việc hàng ngày. Ở đây, **nghề** của NKT chỉ cần được hiểu đó là một công việc cụ thể hàng ngày mà NKT cần hoàn thành. Một cách tốt nhất nếu công việc này được lặp đi, lặp lại hàng ngày và dần mở rộng đối với NKT. Chẳng hạn, công việc vận chuyển hàng hóa, làm các hàng thủ công mỹ nghệ, làm một số công đoạn trong may mặc của người khiếm thính; công việc chào đón khách hàng trước cửa siêu thị của người hội chứng đao; công việc tập hợp thông tin, số liệu của một đơn vị của NKT vận động; chuẩn bị và làm một số bánh, món ăn đơn giản của NKT trí tuệ;... Trong trường hợp này, công việc của NKT cũng có thể thay đổi theo chiều hướng công việc cũ sẽ dần mất đi và được thay thế bằng các công việc mới.

Do đó, có thể nhận thấy, đào tạo nghề cho NKT cần phải tính đến cả việc đào tạo nghề theo tiếp cận ngành nghề và tiếp cận chuyên môn với các chương trình đào tạo khác nhau (chính quy, bồi dưỡng cấp chứng chỉ) với các trình độ (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học,...).

### **3.4. Dựa vào các ngành nghề, công việc hiện có phổ biến tại địa phương**

Bên cạnh các ngành nghề chung của một quốc gia, bất cứ địa phương nào cũng có các ngành nghề, công việc hiện có phổ biến tại địa phương ấy. Vì vậy, NKT hoàn toàn có thể lựa chọn nghề hoặc những công việc phù hợp với năng lực nghề nghiệp và nhu cầu nghề nghiệp của bản thân mình.

Xác định danh mục các ngành nghề, công việc để đào tạo cho NKT ở địa phương không chỉ giúp cho các cơ sở đào tạo nghề định hướng cho tuyển sinh, tổ chức đào tạo mà còn giúp cho NKT lựa chọn được nghề, công việc phù hợp để được đào tạo và với mục đích là NKT có nghề, có việc làm ngay tại nơi sinh sống.

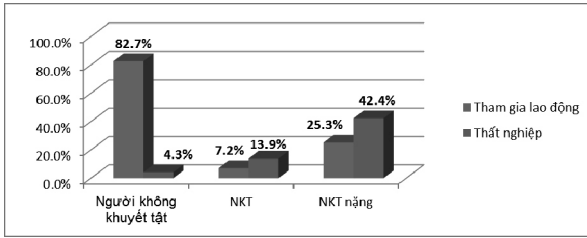
Những cuộc khảo sát về khả năng, nguyện vọng học và hành nghề của NKT, các ngành nghề, công việc hiện có phổ biến tại địa phương cũng như khả năng đáp ứng đào tạo nghề cho NKT của cơ sở đào tạo nghề là một trong những yêu cầu bắt buộc của cơ sở đào tạo nghề tại địa bàn.

## **4. Thách thức đặt ra trong đào tạo nghề cho người khuyết tật**

### **4.1. Tình trạng khuyết tật, trình độ văn hóa và điều kiện sống của người khuyết tật**

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 do Tổng cục Thống kê tiến hành cho thấy, những sự khác biệt rõ rệt trong việc tham gia lực lượng lao động và việc làm của NKT so với người không khuyết tật. Mức độ khuyết tật càng nặng thì tỉ lệ tham gia lao động càng thấp và tỉ lệ thất nghiệp càng cao. Một số số liệu được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:

Hiện nay, số lượng NKT có khả năng đáp ứng và theo học các chương trình đào tạo nghề dựa vào chuẩn



Sơ đồ 1: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và thất nghiệp theo tình trạng khuyết tật [2]

đào tạo nghề là rất hạn chế.

Một cuộc đánh giá cuối cùng Dự án Giáo dục cho trẻ điếc của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do Ngân hàng Thế giới tài trợ vào tháng 6/2016 đã cho thấy [10]: Hầu hết người điếc trưởng thành ở cả ba miền chỉ có trình độ văn hóa dưới lớp 5, số ít có trình độ văn hóa hết lớp 5 và chỉ duy nhất có một trường hợp của tỉnh Thái Nguyên có trình độ trung cấp nghề thuật. Khi ngành Giáo dục và Đào tạo muốn tuyển dụng một người điếc làm giáo viên để dạy học cho học sinh điếc thì không thể được do không đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm mặc dù người điếc đã được cung cấp kiến thức và sử dụng thành thạo ngôn ngữ kí hiệu trong hướng dẫn học sinh điếc học tập và tham gia các hoạt động.

Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 do Tổng cục Thống kê tiến hành, số NKT trên phạm vi cả nước là 6,7 triệu người. Đa số NKT ở Việt Nam sống ở nông thôn (chiếm 87,3%) với các điều kiện về cơ sở hạ tầng, điều kiện sống, phương tiện sinh hoạt chuyên dùng còn nhiều thiếu thốn, do vậy họ gặp nhiều trở ngại về đi lại và giao tiếp với cộng đồng, xã hội. Khoảng 70% NKT không thể sống tự lập, phải sống dựa vào gia đình, chỉ khoảng 25% trong số này có hoạt động tạo thu nhập, tuy nhiên nhìn chung công việc không ổn định và thu nhập thấp [2].

Do trình độ văn hóa hạn chế và điều kiện sống khó khăn, số NKT như khuyết tật về trí tuệ, thần kinh tham gia học nghề rất ít và chủ yếu tham gia học nghề ở các cơ sở dạy nghề chuyên biệt dành cho NKT. Một số NKT chưa thực sự chủ động trong việc tham gia học nghề, họ chủ yếu đến các cơ sở dạy nghề dành cho NKT hoặc các doanh nghiệp đào tạo và tuyển dụng NKT vào làm việc, hoặc học nghề theo từng nhóm đặc thù riêng về dạng khuyết tật. Do đó, có nhiều cơ sở dạy nghề hòa nhập hầu như không có NKT đến đăng kí học, hoặc có thì là những người khuyết tật nhẹ.

#### 4.2. Nhận thức và khả năng đáp ứng của cơ sở đào tạo nghề

Một trong những thách thức hết sức cơ bản của cơ sở đào tạo nghề đó là hiểu biết đặc điểm năng lực nghề nghiệp và nhu cầu nghề nghiệp của NKT và trình độ đào tạo, kiến thức kĩ năng dạy nghề cho NKT. Chưa có số liệu thống kê đánh giá, phân loại số NKT theo mức độ, dạng tật, theo khả năng lao động để giúp cho công tác dạy nghề phù hợp với khả năng học nghề, khả năng lao động, yêu cầu của nghề nghiệp trong tương lai của NKT. Các ngành nghề đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động dành cho NKT.

Theo tác giả Trần Thị Thúy Lâm, Trường Đại học Luật Hà Nội [11], thực tế, rất ít cơ sở đào tạo muốn dạy nghề cho NKT vì sẽ phải đầu tư nhiều hơn về cơ sở vật chất do tình trạng khuyết tật, trình độ văn hóa, nhận thức còn hạn chế của học viên. Các cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật đều thiếu vốn, cơ sở vật chất nghèo nàn, trang thiết bị dạy nghề chưa đúng quy cách,...

Một vấn đề quan trọng của các cơ sở đào tạo đó là nội dung chương trình, ngành nghề và hình thức đào tạo cũng chưa hợp lí đối với khả năng, nhu cầu, các dạng và mức độ khuyết tật của NKT. Kết cấu chương trình thường dựa trên đào tạo nghề theo chuẩn của người không khuyết tật, quá nặng về lí thuyết, thiếu thực hành, chưa có những nội dung chương trình, giáo trình dành riêng cho dạy nghề NKT.

Đội ngũ giáo viên dạy nghề cho NKT còn yếu cả về kiến thức, kĩ năng và nhận thức về các lĩnh vực kĩ thuật, sư phạm. Bên cạnh đó, số lượng giáo viên dạy nghề cho NKT còn thiếu rất nhiều so với nhu cầu đào tạo, đa phần đều chưa qua đào tạo chính quy. Điều này đã gây khó khăn không nhỏ cho các cơ sở dạy nghề dành cho NKT cũng như những thiệt thòi cho người khuyết tật.

#### 4.3. Gắn việc dạy nghề cho người khuyết tật với việc sử dụng người khuyết tật trong hoạt động nghề nghiệp của các đơn vị, tổ chức

Cùng với những thách thức nêu trên, một thách thức không nhỏ đối với việc đào tạo nghề cho NKT đó là việc làm sau đào tạo nghề cơ chế thị trường hướng tới mục tiêu lợi nhuận, rào cản xã hội như thái độ phân biệt, e ngại về chất lượng lao động,... đã trở thành "lực cản" đối với dạy nghề và giải quyết việc làm cho NKT.

Kết quả khảo sát của Dự án "Thúc đẩy các quyền và cơ hội cho người khuyết tật - Việc làm thông qua luật pháp" trong khuôn khổ hợp tác phát triển giữa Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Cơ quan Phát triển Ai Len tại Việt Nam giai đoạn 2014-2015: Kết quả hỗ trợ dạy nghề cho NKT của cả nước và các tỉnh khảo sát rất thấp. Cả nước, trong 4 năm (2011-2014) mới hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho khoảng trên 100.000 NKT, trong đó, hỗ trợ từ Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 được trên 11.000 người. Như vậy, so với mục tiêu đề ra trong Quyết định 1019/QĐ-TTg, giai đoạn 2012-2015, bình quân mỗi năm cần tổ chức dạy nghề và tạo việc làm cho khoảng trên 60.000 NKT, kết quả trên còn thấp hơn rất nhiều. Riêng 4 tỉnh được khảo sát (Phú Thọ, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu) trong 3 năm (2012- 2014) mới tổ chức dạy nghề và tạo việc làm cho gần 1.000 NKT, nếu chia bình quân, mỗi năm một tỉnh hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho khoảng 30-50 NKT. So với tổng số NKT trên địa bàn và số NKT có nhu cầu học nghề còn rất thấp.

Mặc dù đã có nhiều chính sách khuyến khích NKT, cơ sở đào tạo nghề cho NKT và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc hỗ trợ đào tạo, tiếp nhận NKT vào làm việc, có thể nhận thấy, mối quan hệ giữa ba thành tố này còn thiếu sự gắn kết lẫn nhau cũng như cam kết trách nhiệm trong việc đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm cho NKT. Sự quan tâm của các bộ, ngành, các đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến việc làm và phục hồi khả năng lao động cho





NKT như các cơ sở dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm, đơn vị phục hồi chức năng, doanh nghiệp... chưa tạo được sự kết nối, hợp tác chặt chẽ.

**5. Kết luận**

Đào tạo nghề, tạo việc làm cho NKT luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, khuyến khích tạo điều kiện. Kinh tế xã hội đất nước càng phát triển, nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân và chính bản thân NKT ngày càng được nâng cao, nhu cầu có nghề nghiệp, việc làm để có thể sống độc lập trong cộng đồng, xã hội của NKT là một nhu cầu hết sức chính đáng.

Để thúc đẩy hơn nữa công tác đào tạo nghề cho NKT đáp ứng được trước hết nhu cầu nghề nghiệp của NKT, đồng thời, đảm bảo cho các chính sách hỗ trợ NKT có hiệu quả hơn trong thực tiễn, chúng tôi khuyến nghị như sau:

1/ Mỗi cơ sở đào tạo nghề cần tiến hành khảo sát nhu cầu nghề nghiệp của NKT, đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp, công việc/việc làm của họ để tiến hành lập kế hoạch tổ chức đào tạo;

2/ Tăng cường năng lực của cơ sở đào tạo về đội ngũ giáo viên dạy nghề cho NKT, phương tiện, thiết bị và cơ sở vật chất phù hợp với yêu cầu đào tạo nghề, công việc cho NKT dựa trên kết quả khảo sát và kế hoạch tổ chức đào tạo;

3/ Tăng cường sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo với các đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến việc làm và phục hồi khả năng lao động cho NKT, đảm bảo việc làm cho NKT sau khi được đào tạo;

4/ Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đồng thời tập trung huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ cho đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm cho NKT.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2005), *Báo cáo nghiên cứu khảo sát thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam*, Hà Nội.  
 [2]. Quỹ dân số Liên Hợp quốc tại Việt Nam, (2011),

*Người khuyết ở Việt Nam: Một số kết quả chủ yếu từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 2009*, Hà Nội.

[3]. *Luật Người khuyết tật, số 51/2010/QH12.*

[4]. Nguyễn Lộc (chủ biên), (2009), *Cơ sở lý luận quản lý trong tổ chức giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha, (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6]. *Bộ Luật lao động, số 10/2012/QH13.*

[7]. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 về việc Phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020*, Hà Nội.

[8]. *Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người khuyết tật*, Hà Nội.

[9]. Tổng cục Dạy nghề (2015), *Kết quả khảo sát của Dự án "Thúc đẩy các quyền và cơ hội cho người khuyết tật - Việc làm thông qua luật pháp" trong khuôn khổ hợp tác phát triển giữa Tổ chức Lao động quốc tế ILO và Cơ quan Phát triển Ai Len tại Việt Nam giai đoạn (2014-2015)*, Hà Nội.

[10]. David Stephens - Nguyen Xuan Hai, (2016), *Báo cáo đánh giá cuối cùng Dự án Giáo dục cho trẻ điếc Việt Nam (dự thảo)*, Hà Nội .

[11]. Trần Thị Thúy Lâm, Trường Đại học Luật Hà Nội, (2015), *Chính sách dạy nghề cho người khuyết tật: Thực trạng và khuyến nghị*, Tạp chí Người bảo trợ.

[12]. *Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020.*

[13]. *Nghị định số 43/2008-NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành điều 62 và điều 72 của Luật Dạy nghề.*

[14]. *Nghị quyết số 84/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật.*

[15]. Tổ chức Lao động Quốc tế ILO, (2004), *Hướng tới cơ hội việc làm bình đẳng cho người khuyết tật thông qua hệ thống pháp luật*, Cơ quan Hợp tác phát triển Ai len.

**VOCATIONAL TRAINING FOR PEOPLE WITH DISABILITIES**

**Nguyen Xuan Hai - Email: haiblackocean@yahoo.co.uk**  
**Hanoi National University of Education**  
**Nguyen Thi Thuy - Email: phongthuyha.xhh@gmail.com**  
**Academy of Politics Region 1**

**Abstract:** *Although the Government has a number of policies to support people with disabilities, the number and proportion of people with disabilities who attend educational institutions and vocational training institutions are still low, especially for those with serious disabilities. It can be said that people with disabilities are considered as the most disadvantaged groups among those groups in need of special assistance. The article addresses the issue of vocational training for people with disabilities. In which, the author approaches vocational training for people with disabilities through the following view points: 1 / Implement legal documents on the rights, the right to education / vocational training and employment of people with disabilities; 2 / Based on occupational capacity characteristics and vocational needs of the disabled people themselves; 3 / Based on the viewpoint on the definition of "occupation" for people with disabilities; 4 / Based on the occupations, jobs being available at localities.*

**Keywords:** *People with disabilities; vocational training; education.*